TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VẠN NINH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HS-ST
Ngày: 24 - 06 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thái Việt

2. Ông Hồ Quang Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa, đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 412024/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2024; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 09/2024/TB-TA ngày 12 tháng 6 năm 2024 đối với:

Bị cáo **Trương Thành T**, sinh ngày 24/3/1989 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Sĩ N (chết) và bà Nguyễn Thị Xuân Ú, sinh năm 1967; tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân:

- Ngày 26/5/2015 bị Toà án nhân dân huyện Vạn Ninh xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 34/2015/HSST. Chấp hành xong án phạt tù ngày 30/12/2015. Đã đóng xong án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 04/8/2015.

- Ngày 28/6/2016 bị Toà án nhân dân huyện Vạn Ninh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 38/QĐ-TA (chấp hành từ ngày 14/7/2016 đến ngày 22/9/2016 thì bị tạm giam); Ngày 28/9/2016 bị Toà án nhân dân huyện Vạn Ninh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 71/2016/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/12/2017. Đã đóng xong án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 11/11/2016.

- Ngày 10/3/2020 bị Toà án nhân dân huyện Vạn Ninh xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 05/2020/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/01/2021. Đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 21/5/2020.

- Ngày 09/11/2023 bị Toà án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" tại Bản án số 298/2023/HSST.

- Ngày 07/3/2024 bị Toà án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" tại Bản án số 44/2024/HS-ST, tổng hợp với Bản án số 298/2023/HSST thành hình phạt chung là 03 năm 08 tháng tù.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án này. Hiện đang chấp hành án tại trại giam S – Bộ C.

- *Bị hại*: Ông Lê Xuân M - sinh năm: 1983; trú tại: Tổ dân phố số A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn D - sinh năm: 1981; trú tại: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Chị Trương Thị Trầm O - sinh năm: 1992; trú tại: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H - sinh năm: 1993; trú tại: Tổ dân phố số A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đêm ngày 18/8/2023, Lê Xuân M cùng vợ là Nguyễn Thị Ngọc H ngủ tại nhà thuộc tổ dân phố số A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Khoảng 23h00' cùng ngày, H mở cửa sau nhà để đi vệ sinh nhưng khi quay vào thì quên

đóng mà chỉ khép hờ. Đến khoảng 05h00’ ngày 19/8/2023, Mạnh thức dậy thấy cửa sau nhà mở nên kiểm tra lại tài sản thì phát hiện bị mất 01 điện thoại di động hiệu Vivo U10, bên trong gắn 01 Sim mạng Viettel. Do điện thoại của M bị mất không được cài đặt khoá màn hình, bên trong có cài đặt ứng dụng chuyển tiền của tài khoản số 404154755200001 mở tại Ngân hàng N2 và M có cài đặt chế độ lưu mật khẩu bảo mật khi đăng nhập, tài khoản hiện đang có tiền nên M đi đến Ngân hàng N2 chi nhánh V để kiểm tra và khoá tài khoản. Sau khi kiểm tra, M phát hiện tài khoản của mình bị người khác đăng nhập và chiếm đoạt số tiền 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) nên trình báo đến Cơ quan Công an.

Qua quá trình điều tra xác định: Khoảng 05h00’ ngày 19/8/2023, khi Trương Thành T đang sử dụng điện thoại di động loại Samsung chơi game ở nhà thuộc thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa thì có Nguyễn Văn D (tên gọi khác: Dũng K), trú: Q, xã V, huyện V đi đến chơi. Trong lúc đang nói chuyện thì T nhìn thấy D có cầm 01 điện thoại di động loại cảm ứng màu đen (không nhớ rõ hiệu Vivo hay Oppo), do điện thoại của T gần hết pin nên T hỏi mượn D và nói “Điện thoại ở đâu có”, D trả lời “Điện thoại vừa lấy trộm của em dâu” và đưa cho T mượn; đồng thời, D nói “Coi trong đó có tiền thì chuyển qua rút”. T cầm điện thoại của D đưa kiểm tra thì phát hiện điện thoại không khoá màn hình, bên trong có cài đặt ứng dụng chuyển tiền của N1 hành N, rồi đăng nhập mạng Wifi nhà T và vào ứng dụng chuyển tiền thì phát hiện tài khoản này đang ở chế độ tự động lưu mật khẩu nên T đăng nhập vào thì thấy chủ tài khoản có tên là M và có số dư hơn 4.200.000 đồng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này. T nói với D là tài khoản này có cài đặt ứng dụng ngân hàng nhưng bị cài mật khẩu nên không vào được và giả vờ cầm điện thoại này chơi game. Sau đó, lợi dụng lúc D không để ý, T truy cập vào ứng dụng Ngân hàng N2 số tài khoản 404154755200001 của ông Lê Xuân M rồi thực hiện lệnh chuyển số tiền 4.200.000 đồng đến tài khoản số 4705205185808 mang tên Trương Thị Trầm O mở tại Ngân hàng A (O là em gái của T có cho T mượn sử dụng tài khoản này). Sau khi chiếm đoạt tiền xong, T trả lại điện thoại cho D rồi D cầm điện thoại bỏ đi.

Đến khoảng 08h00’ ngày 19/8/2023, Trương Thị Trầm O thức dậy thì T nói “Để anh chuyển qua tài khoản V1 của mày 4.000.000 đồng, lát nữa đi chợ mày ghé rút giùm anh” thì O đồng ý và hỏi về nguồn gốc tiền thì được T trả lời là do D chuyển trả nợ. Sau đó, T sử dụng điện thoại hiệu S1 của T rồi đăng nhập vào ứng dụng ngân hàng A số tài khoản 4705205185808 (đã lưu sẵn trong máy) và thực hiện lệnh chuyển số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) đến tài khoản

Ngân hàng V1 của O số 0061001151626 mở tại Ngân hàng V1. Sau đó T tiếp tục chơi game, còn O đi công việc.

Khoảng 16h00’ cùng ngày, Trương Thị Trầm O đi về lại nhà và nói cho T biết đã rút được số tiền 4.000.000 đồng, đồng thời hỏi mượn số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) để lo công việc thì T đồng ý nên O đưa lại cho T 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi nhận tiền từ O, T đã sử dụng hết vào việc mua thẻ cào điện thoại để nạp chơi game online. Tiếp đến, ngày 24/8/2023, T tiếp tục chuyển cho O 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và được O đưa lại tiền, T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Cáo trạng số 41/CT-VKSVN ngày 24 tháng 4 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Trương Thành T về tội “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 1 Điều 290 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 290; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản"; về trách nhiệm dân sự bị hại đã được bồi thường, người liên quan không yêu cầu bồi thường nên không xét; tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như cáo trạng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm

quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng như của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng là hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như qua phần xét hỏi công khai và tranh luận, có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng hơn 05h00’ ngày 19/8/2023 tại thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Khi thấy Nguyễn Văn D sử dụng điện thoại di động hiệu Vivo U 10 (điện thoại của ông Lê Xuân M). Bị cáo đã hỏi mượn và được D cho mượn. Phát hiện trên điện thoại có cài ứng dụng chuyển tiền của Ngân hàng N2, T đã có hành vi sử dụng điện thoại, kết nối với đường truyền internet. Sau đó, bị cáo truy cập bất hợp pháp vào ứng dụng chuyển tiền, số tài khoản 401454755200001 của ông Lê Xuân M. Sau đó chuyển số tiền 4.200.000 đồng từ tài khoản của ông M đến tài khoản số 4705205185808 bị cáo mượn của chị Trương Thị Trầm O (em gái bị cáo) mở tại A và chiếm đoạt số tiền nói trên.

Như vậy, bị cáo đã có hành vi truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của ông Lê Xuân M để chiếm đoạt 4.200.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 290 Bộ luật hình sự.

Tại điểm c khoản 1 Điều 290 Bộ luật Hình sự quy định:

“*1. Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện một trong những hành vi sau đây, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

...

c) Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản;”.

Do đó, Cáo trạng số 41/CT-VKSVN ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát huyện V truy tố bị cáo phạm tội “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng

viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 1 Điều 290 Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có sức khỏe, nhưng không chịu lao động chân chính mà chọn cho mình con đường phạm tội.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị Tòa án nhân dân xét xử về nhiều lần về tội trộm cắp tài sản và tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngoài ra, bị cáo còn bị Toà án nhân dân huyện Vạn Ninh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo một thời gian để cải tại giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn và bị cáo đã cùng với gia đình bồi thường cho bị hại và được bị hại bãi nại. Vì vậy, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo an tâm cải tạo, sớm hòa nhập cộng đồng làm công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo đang chấp hành hình phạt 03 năm 08 tháng tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 44/2024/HSST ngày 07/03/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang. Do đó, Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chị Trương Thị Trầm O đã tự nguyện thay mặt Trương Thành T bồi thường cho ông Lê Xuân M số tiền 4.200.000 đồng (trong đó gồm 2.500.000 đồng mà O đã mượn từ T và 1.700.000 đồng do T đã tiêu xài cá nhân hết). Ông M đã nhận đủ số tiền trên và không còn yêu cầu gì đối với số tiền bị chiếm đoạt, đồng thời bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho Trương Thành T. Chị O không yêu cầu Trương Thành T phải bồi hoàn số tiền mà O đã

thay mặt T bồi thường cho ông Lê Xuân M. Do không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về một số nội dung khác:

[5.3] Trong quá trình điều tra, Trương Thành T khai nhận đã sử dụng điện thoại di động loại cảm ứng mượn từ Nguyễn Văn D đưa, sau đó lén lút đăng nhập vào tài khoản ngân hàng chiếm đoạt tiền của ông Lê Xuân M, điện thoại này D nói trộm cắp của em dâu D. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra đã cho tiến hành đối chất giữa D và T thì D không thừa nhận lời nói này và khai là đã nhặt được trên lề đường tại khu vực đầu cầu H, xã V, huyện V vào sáng ngày 19/8/2023 và hiện nay điện thoại không thu hồi được. Do đó, chưa đủ căn cứ để xác định Nguyễn Văn D đã thực hiện hành vi trộm cắp điện thoại di động của ông Lê Xuân M nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tách vụ án "Trộm cắp tài sản" xảy ra ngày 19/8/2023 tại tổ dân phố số A, thị trấn V, huyện V để tiếp tục điều tra để xử lý Nguyễn Văn D khi đủ căn cứ chứng minh. Do vậy, trong vụ án này, Hội đồng xét xử không xét.

[5.2] Đối với Trương Thị Trầm O có hành vi nhận tiền chuyển từ Trương Thành T và đã đồng ý rút giùm tiền cho T. Tuy nhiên, trước và sau khi thực hiện việc này thì chị O không biết đây là tiền do Trương Thành T phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý O về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định của pháp luật.

[5.3] 01 điện thoại di động hiệu S1 màu đen (không rõ hiệu), bên trong có 01 sim mạng Viettel, sau khi sử dụng để chiếm đoạt tiền của ông Lê Xuân M thì Trương Thành T đã bán với số tiền 800.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết và hiện nay không thu giữ được, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 290; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 56 Bộ luật Hình sựXử phạt bị cáo **Trương Thành T 01** (một) năm tù, về tội "Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp với hình phạt 03 năm 08 tháng tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 44/2024/HSST ngày 07/03/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: **04** (bốn) năm **08** (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ

ngày 24/10/2023, nhưng được trừ thời tạm giữ từ ngày 30/6/2023 đến ngày 09/7/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét phần trách nhiệm dân sự đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không yêu cầu.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Công an huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THA dân sự huyện Vạn Ninh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ THA;
- Lưu: VT, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng